

Số: /QĐ-UBND

Lạng Sơn, ngày tháng 12 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án Đầu tư xây dựng tuyến đường tránh ĐT.226 (đoạn qua thị trấn Bình Gia, Văn Mịch) và Khu tái định cư, dân cư thị trấn Bình Gia

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật Sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị quyết số 46/NQ-HĐND ngày 25/11/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về chủ trương đầu tư dự án Đầu tư xây dựng tuyến đường tránh ĐT.226 (đoạn qua thị trấn Bình Gia, Văn Mịch) và Khu tái định cư, dân cư thị trấn Bình Gia;

Theo nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 4173/TTr-SGTVT ngày 30/12/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án Đầu tư xây dựng tuyến đường tránh ĐT.226 (đoạn qua thị trấn Bình Gia, Văn Mịch) và Khu tái định cư, dân cư thị trấn Bình Gia, với những nội dung như sau:

1. Tên dự án: Đầu tư xây dựng tuyến đường tránh ĐT.226 (đoạn qua thị trấn Bình Gia, Văn Mịch) và Khu tái định cư, dân cư thị trấn Bình Gia.

2. Người quyết định đầu tư: Chủ tịch UBND tỉnh Lạng Sơn.

3. Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh.

4. Mục tiêu, quy mô đầu tư xây dựng

4.1. Mục tiêu đầu tư: xây dựng tuyến đường tránh ĐT.226 (đoạn qua thị trấn Bình Gia, Văn Mịch) và Khu tái định cư, dân cư thị trấn Bình Gia nhằm hoàn thiện đồng bộ cơ sở hạ tầng, kết nối giao thông trong khu vực trung tâm thị trấn Bình Gia, thị tứ Văn Mịch, mở rộng mạng lưới đường giao thông đô thị, tạo lập khu dân cư mới và quỹ đất ở tái định cư cho các dự án khác trên địa bàn huyện, góp phần chỉnh trang đô thị, tạo nguồn lực tái đầu tư, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội địa phương.

4.2. Quy mô đầu tư xây dựng:

4.2.1. Quy mô:

a) Hạng mục tuyến đường tránh ĐT.226 đoạn qua thị trấn Bình Gia: xây dựng mới đoạn tuyến đường tránh ĐT.226 và các đoạn tuyến đường nhánh theo quy hoạch được phê duyệt tại Quyết định số 4077/QĐ-UBND ngày 27/12/2022 của UBND huyện Bình Gia.

- Quy mô đường 02 làn xe, vận tốc thiết kế $V_{tk} = 40$ km/h (theo tiêu chuẩn đường đô thị TCXDVN 104 - 2007). Chỉ giới đường đỏ và chiều dài các đoạn tuyến như sau:

- Tuyến trục chính D6: điểm đầu giao với Quốc lộ 1B tại Km59+550, điểm cuối giao với đường ĐT.226 cũ tại Km1+020; chiều dài 1.258,1m; chỉ giới đường đỏ 17,0m.

- Các tuyến nhánh theo quy hoạch trong phạm vi ranh giới dự án để phát triển khu dân cư và kết nối tuyến đường tránh với tuyến ĐT.226 cũ, gồm: tuyến nhánh D5 (*song song với tuyến chính D6*), chiều dài 712,8m, chỉ giới đường đỏ 15,5m; tuyến nhánh N4 (*nối từ tuyến D6 - tuyến D5*), chiều dài 133,5m, chỉ giới đường đỏ 15,5m; tuyến N5 (*nối từ tuyến D6 - tuyến D5*), chiều dài 86,0m, chỉ giới đường đỏ 15,0m; tuyến N3 (*nối từ tuyến D6 - tuyến D5*), chiều dài 86,0m, chỉ giới đường đỏ 15,0m; tuyến N2 (*nối từ tuyến D6 - tuyến D5 - ĐT.226 cũ*), chiều dài 239,1m, chỉ giới đường đỏ 15,5m; tuyến N1 (*nối từ tuyến D6 - tuyến D5 - ĐT.226 cũ*), chiều dài 133,5m, chỉ giới đường đỏ 15,5m. Tổng chiều dài các tuyến đường nhánh là 1.390,9m.

b) Hạng mục tuyến tránh qua trung tâm xã Hồng Phong: xây dựng theo tiêu chuẩn đường cấp IV miền núi (theo TCVN 4054 - 2005), tốc độ thiết kế 40km/h. Gồm có tuyến chính (gọi là trục chính 2) và 03 tuyến nhánh để kết nối với đường ĐT.226 cũ, cụ thể:

- Trục chính 2: điểm đầu tại Km18+600 đường ĐT.226, điểm cuối tại ngã ba giao giữa ĐT.226 và ĐT.231. Chiều dài 1.768,0m (không bao gồm 145m tận dụng cầu Văn Mịch).

- Nhánh 2A có điểm đầu giao với trục chính 2 tại Km19+118, điểm cuối giao với đường ĐT.226 tại Km19+578, chiều dài 173,80m; nhánh 2B có điểm đầu giao với trục chính 2 tại Km19+257,60, điểm cuối giao với đường ĐT.226

tại Km19+912,70, chiều dài 243,60m; nhánh 2C có điểm đầu giao với trục chính 2 tại Km19+764,20, điểm cuối giao với đường ĐT.226 tại Km20+722,70, chiều dài 120,6m. Tổng chiều dài các tuyến nhánh 538,0m.

c) Khu tái định cư, dân cư đoạn qua thị trấn Bình Gia tổng diện tích là 11,85ha. đầu tư xây dựng các hạng mục: san nền, đường giao thông, hệ thống các công trình hạ tầng kỹ thuật (cấp điện, cấp nước, thoát nước, thông tin liên lạc, PCCC, cây xanh, chiếu sáng công cộng ...; khu đất khu dân cư và tái định cư bố trí dạng các lô nhà ở liền kề theo các trục đường giao thông.

d) Kết cấu mặt đường bằng bê tông nhựa, mô đun đàn hồi Eyc >140MPa, tải trọng trục tính toán 10 tấn; tần suất thiết kế nền đường, công trình thoát nước P = 4%; tải trọng thiết kế công trình HL93. Xây dựng các công trình thoát nước, phòng hộ và an toàn giao thông trên tuyến, hạ tầng kỹ thuật khu đô thị đảm bảo đầu tư đồng bộ.

4.2.2. Giải pháp thiết kế cơ sở các hạng mục chủ yếu:

a) Hạng mục tuyến đường tránh ĐT.226 đoạn qua thị trấn Bình Gia và các đoạn tuyến đường nhánh:

- Mặt bằng tuyến, chỉ giới đường đỏ, cao độ thiết kế theo Quy hoạch chi tiết 1/500 khu dân cư và tái định cư dọc tuyến tránh ĐT.226 đoạn qua thị trấn Bình Gia được phê duyệt tại Quyết định số 4077/QĐ-UBND ngày 27/12/2022 của UBND huyện Bình Gia.

- Tuyến trục chính D6: chỉ giới đường đỏ 17,0m, lòng đường rộng 7,5m, hè đường 4,75m x 2 = 9,5m.

- Các tuyến nhánh D5, N1, N2: chỉ giới đường đỏ 15,5m, lòng đường rộng 7,5m, hè đường 4,0m x 2 = 8,0m.

- Các tuyến nhánh N3, N4, N5: chỉ giới đường đỏ 15,0m, lòng đường rộng 7,0m, hè đường 4,0m x 2 = 8,0m.

- Độ dốc ngang thiết kế các tuyến: mặt đường $i_{\text{mặt}} = 2\%$; hè đường $i_{\text{hè}} = 1,5\%$ hướng ra phía lòng đường.

- Mặt đường bê tông nhựa trên lớp móng cấp phối đá dăm, tính toán với mô đun đàn hồi yêu cầu Eyc ≥ 140 MPa. Kết cấu có tổng chiều dày 49cm, các lớp từ trên xuống như sau: lớp bê tông nhựa chặt 12,5 dày 4cm; lớp bê tông nhựa chặt 19 dày 6cm; lớp móng cấp phối đá dăm loại I dày 15cm; lớp móng cấp phối đá dăm loại II dày 24cm.

- Kết cấu bó vỉa, vỉa hè: bó vỉa bằng bê tông xi măng đúc sẵn, loại vát về phía lòng đường để thuận tiện cho các phương tiện lên xuống vào nhà ở. Mặt hè đường lát gạch bê tông cường độ cao trên lớp móng bằng bê tông xi măng. Trồng cây bóng mát trên vỉa hè dọc các tuyến đường.

b) Hạng mục tuyến tránh qua trung tâm xã Hồng Phong và các tuyến đường nhánh:

- Trục chính và các nhánh rẽ xây dựng mới theo tiêu chuẩn đường cấp IV

miền núi (theo TCVN 4054 - 2005). Nền đường rộng 7,5m (chưa kể mở rộng trong đường cong và rãnh dọc), mặt đường rộng 5,5m (chưa kể mở rộng trong đường cong); lề đường rộng $2 \times 1,0 = 2,0\text{m}$ trong đó gia cố lề (kết cấu như mặt đường) mỗi bên rộng 0,5m. Độ dốc ngang mặt đường và lề gia cố là 2%, độ dốc ngang lề đất 5%.

- Trắc dọc được thiết kế trên nguyên tắc kết hợp hài hoà giữa các yếu tố kỹ thuật theo tiêu chuẩn áp dụng và điều kiện địa hình, giảm thiểu khối lượng đào, đắp nền đường và công trình. Độ dốc dọc tối đa $I_{\max} = 8\%$.

- Mặt đường bê tông nhựa trên lớp móng cấp phối đá dăm, tính toán với mô đun đàn hồi yêu cầu $E_{yc} \geq 140 \text{ MPa}$. Kết cấu có tổng chiều dày 49cm, các lớp từ trên xuống như sau: lớp bê tông nhựa chặt 12,5 dày 4cm; lớp bê tông nhựa chặt 19 dày 6cm; lớp móng cấp phối đá dăm loại I dày 15cm; lớp móng cấp phối đá dăm loại II dày 24cm.

- Hệ thống thoát nước dọc: rãnh hình thang rộng 1,2m, sâu 0,4m, đáy rãnh rộng 0,4 m; gia cố rãnh bằng bê tông xi măng. Tại các vị trí tuyến qua khu vực đông dân cư và dự kiến bố trí dân cư thiết kế hệ thống rãnh hộp có nắp đậy, khẩu độ $B = 0,60\text{m}$. Phần lề từ mép mặt đường đến mép rãnh gia cố hoặc rãnh hộp bằng bê tông xi măng.

- Thiết kế công trình thoát nước ngang:

+ Khẩu độ các cống thoát nước được xác định thông qua khảo sát, tính toán thủy văn; các cống còn lại bố trí theo cấu tạo có khẩu độ là 0,8 - 1,0m.

+ Các cống tròn: đốt thân cống bằng bê tông cốt thép đúc sẵn, thi công lắp ghép. Đầu cống, tường cánh, sân cống,...bằng bê tông xi măng đổ tại chỗ.

+ Các cống hộp khẩu độ lớn (cống hộp đơn và cống hộp đôi khẩu độ 2,0x2,0m và 3,0x3,0m) được thiết kế bằng bê tông cốt thép đúc sẵn, thi công lắp ghép. Móng cống, gia cố,...bằng bê tông xi măng đổ tại chỗ.

- Công trình phòng hộ: xây dựng tường chắn đất ta luy âm, tường chắn ốp mái ta luy dương để tăng sự ổn định nền đường tại các vị trí không đủ nền đường hoặc mái ta luy có địa chất kém ổn định, vị trí cần bảo vệ công trình kiến trúc cũ; gia cố mái ta luy nền đường đắp các đoạn có ảnh hưởng do dòng chảy của sông, suối... Kết cấu bằng bê tông xi măng.

- Các công trình an toàn giao thông, công trình phụ trợ khác: thiết kế đầy đủ hệ thống hộ lan mềm tại vị trí nguy hiểm, vạch sơn, cọc tiêu, biển báo, cọc Km, cọc H, mốc lộ giới,...trên toàn tuyến và các vị trí nút giao theo Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41:2019/BGTVT.

- Đoạn tuyến từ sau cầu Văn Mịch đến ngã ba giao giữa ĐT.226 và ĐT.231: tận dụng hiện trạng nền, mặt đường và các công trình trên đường. Bù vênh và thảm lớp bê tông nhựa chặt 12,5 dày 7cm trên lớp mặt đường cũ.

c) Thiết kế hạ tầng kỹ thuật Khu tái định cư, dân cư: san nền khu đất khu bố trí dân cư và tái định cư, xây dựng hệ thống các công trình hạ tầng kỹ thuật (cấp điện, cấp nước, thoát nước, thông tin liên lạc, PCCC, chiếu sáng công cộng,

...theo Quy hoạch chi tiết 1/500 khu dân cư và tái định cư dọc tuyến tránh ĐT.226 đoạn qua thị trấn Bình Gia được phê duyệt tại Quyết định số 4077/QĐ-UBND ngày 27/12/2022 của UBND huyện Bình Gia.

- San nền: các ô đất xây dựng công trình và khu dân cư được san nền tạo độ dốc 0,5% - 2% để thoát nước mưa ra các tuyến đường giao thông, thu vào hệ thống công thoát nước chung trên vỉa hè và trong lòng đường. Vật liệu san nền dùng đất đồi chọn lọc, cao độ san nền theo quy hoạch chi tiết được duyệt. Tổng diện tích đất quy hoạch là 60.852m²; dự kiến bố trí được 531 ô đất ở liền kề dọc các trục đường giao thông trong dự án, diện tích mỗi ô đất 100 - 170m².

- Hệ thống thoát nước mưa: xây dựng hệ thống công ngang, công dọc đặt trên vỉa hè và trong lòng đường để thu gom toàn bộ nước mưa dẫn đến các cửa xả tiếp giáp đường QL.1B và đường ĐT.226 ra suối và hệ thống công chung trong thị trấn Bình Gia. Sử dụng công tròn D40cm - D150cm bằng bê tông cốt thép đúc sẵn, thi công lắp ghép. Xây dựng giếng thu, giếng thăm để thu nước mặt đường và chuyên hướng cống; kết cấu xây gạch không nung cho các hố trên vỉa hè, kết cấu bằng bê tông cho các hố trong lòng đường.

- Hệ thống cấp nước sinh hoạt: hệ thống đường ống cấp nước từ trục chính trong thị trấn cho dự án bằng ống HDPE D110mm được nối khếp kín thành mạch vòng. Tuyến ống nhánh cấp nước đến các hộ dân đầu nối với tuyến ống cấp nước chính theo dạng mạch nhánh bằng ống HDPE có đường kính D50 - D75mm. Ống cấp nước được bố trí dưới vỉa hè với độ sâu chôn ống $\geq 0,5m$.

- Cấp nước cứu hỏa: đường ống cấp nước chữa cháy ngoài nhà được kết hợp với hệ thống cấp nước ngoài nhà. Bố trí các họng cứu hỏa trên đường ống cấp nước chính, họng cấp nước cứu hỏa có đường kính DN100, loại 2 cửa.

- Hệ thống thoát nước thải sinh hoạt: nước thải từ các hộ dân sẽ được thu vào bể tự hoại riêng, sau khi được xử lý cục bộ tại bể phốt trong nhà, nước thải sẽ được thoát ra công thoát nước thải ngoài nhà; riêng nước thải từ chậu rửa, tắm, giặt,...được thoát trực tiếp ra công thoát nước ngoài nhà. Hệ thống thoát nước thải ngoài nhà sử dụng công nhựa HDPE D300mm và rãnh xây dựng gạch không nung.

- Hệ thống cấp điện trung thế và trạm biến áp:

+ Nguồn điện cho khu vực được cấp từ đường dây 35KV, lộ 372 E13.6 chạy dọc trên Quốc lộ 1B. Trồng mới hệ thống cột điện trung thế để dẫn tuyến điện trung thế từ điểm đầu nối đến dự án và bên trong dự án đến các trạm biến áp. Đường dây 35KV đi nối xây dựng mới dài 1787m (bao gồm cả tuyến đường dây từ vị trí đầu nối về dự án là 600m).

+ Trong phạm vi dự án đặt 03 trạm biến áp treo trên cột bê tông ly tâm có công suất phù hợp theo tiêu chuẩn về diện tích phục vụ. Công suất định mức của mỗi trạm 630 - 750 KVA/1 máy.

+ Cột điện trung thế sử dụng cột bê tông ly tâm dự ứng lực, móng cột bê tông cốt thép. Dây dẫn sử dụng dây AC/XLPE4,3/HDPE-95/16mm².

- Lưới điện hạ thế: trên cơ sở vị trí các trạm biến áp trong dự án, xây dựng đường dây cáp điện cho phù hợp và đáp ứng nhu cầu dùng điện các phụ tải khu dân cư. Toàn bộ đường dây hạ thế được đi nổi trên cột bê tông ly tâm trồng trên vỉa hè, một số vị trí tận dụng cột trung thế có sẵn. Hệ thống lưới hạ thế sử dụng cáp điện áp 380/220V ba pha bốn dây trung tính nối đất trực tiếp; sử dụng cáp nhôm vặn xoắn AL/XLPE. Tổng chiều dài đường dây 4,05km.

- Chiều sáng đường phố dùng đèn LED công suất 100W, hiệu suất ≥ 100 lm/W. Cản đèn được bắt vào cột điện bê tông ly tâm trồng trên vỉa hè (sử dụng chung cả cột trung thế, cột điện hạ thế để giảm số lượng cột) khoảng cách giữa các cột trung bình từ 25 - 35m. Nguồn cấp điện chiếu sáng lấy từ các trạm biến áp công cộng thông qua các tủ chiếu sáng. Dây dẫn từ tủ điều khiển đi đến tất cả các cột dùng cáp vặn xoắn ABC/AL/XLPE-4x16 treo trên phụ kiện cáp vặn xoắn hợp bộ cho từng vị trí cột; tổng chiều dài đường dây 2,59km. Điều khiển tự động, đóng/mở theo giờ trong ngày và thực hiện chế độ tiết kiệm điện năng.

- Hệ thống thông tin liên lạc: thiết kế mạng truyền hình cáp và điện thoại sử dụng công nghệ, giải pháp mạng cáp quang GPON & AON. Xây dựng mạng cáp quang nhà cung cấp khu vực cấp cho các tủ phân phối trong khu quy hoạch. Xây dựng mạng cáp quang từ tủ phân phối tới các tủ thuê bao. Toàn bộ cáp quang được treo nổi trên các cột điện trên vỉa hè. Các tủ, hộp cáp, thiết bị trong tủ do nhà cung cấp dịch vụ cung cấp và lắp đặt.

5. Tổ chức tư vấn lập Báo cáo nghiên cứu khả thi, tổ chức tư vấn khảo sát xây dựng: Liên danh Công ty cổ phần tư vấn xây dựng và Quy hoạch đô thị - Công ty cổ phần tư vấn đầu tư phát triển Cửa Đông.

6. Địa điểm xây dựng và diện tích đất sử dụng:

- Địa điểm xây dựng: thị trấn Bình Gia và xã Hồng Phong huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn.

- Diện tích đất sử dụng: 20,05 ha.

7. Loại, nhóm dự án; loại, cấp công trình; thời hạn sử dụng của công trình chính theo thiết kế:

- Nhóm dự án: nhóm B.

- Loại, cấp công trình: công trình giao thông, cấp III, IV; công trình hạ tầng kỹ thuật, cấp III.

- Thời hạn sử dụng của công trình chính theo thiết kế: mặt đường bê tông nhựa hạng mục đường giao thông là 10 năm.

8. Số bước thiết kế, danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn:

- Số bước thiết kế: 02 bước (thiết kế cơ sở và thiết kế bản vẽ thi công).

- Danh mục tiêu chuẩn chủ yếu áp dụng: *chi tiết có phụ lục kèm theo Quyết định này.*

9. Tổng mức đầu tư: 249.677,00 triệu đồng, trong đó:

- Chi phí bồi thường, hỗ trợ GPMB:	56.539,0 triệu đồng;
- Chi phí xây dựng:	123.225,0 triệu đồng;
- Chi phí thiết bị	3.019,0 triệu đồng;
- Chi phí quản lý dự án:	1.927,0 triệu đồng;
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng:	9.055,0 triệu đồng;
- Chi phí khác:	7.632,0 triệu đồng;
- Chi phí dự phòng:	48.280,0 triệu đồng.

10. Thời gian thực hiện dự án: năm 2023 - 2026.

11. Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách địa phương và Ngân sách Trung ương.

12. Hình thức quản lý dự án: Chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án.

13. Phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng: thực hiện theo quy định hiện hành.

Điều 2. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Giao thông vận tải, Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giám đốc Kho bạc Nhà nước Lạng Sơn, Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh, Chủ tịch UBND huyện Bình Gia và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ban Kinh tế - Ngân sách (HĐND tỉnh);
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các PVPUBND tỉnh, các phòng CM, Trung tâm Thông tin;
- Lưu: VT, KT_(CVĐ).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lương Trọng Quỳnh

PHỤ LỤC
Quy chuẩn, tiêu chuẩn chủ yếu áp dụng
Dự án Đầu tư xây dựng tuyến đường tránh ĐT.226 (đoạn qua thị trấn
Bình Gia, Văn Mịch) và Khu tái định cư, dân cư thị trấn Bình Gia
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /12/2022 của Chủ tịch UBND
tỉnh)

T T	Tên quy chuẩn, tiêu chuẩn	Mã hiệu
I	Áp dụng cho công tác khảo sát- thiết kế	
1	Công tác trắc địa trong xây dựng - yêu cầu chung	TCVN 9398 - 2012
2	Đường ô tô - Tiêu chuẩn khảo sát	TCCS 31:2020/TCĐBVN
3	Khoan thăm dò địa chất công trình	TCVN 9437:2012
4	Đất xây dựng. Các phương pháp xác định tính chất cơ - lý của đất trong phòng thí nghiệm.	TCVN 4195 đến 4197-2012; TCVN 4198-2014; TCVN 4200 đến 4202 - 2012.
5	Đường ô tô - Yêu cầu thiết kế	TCVN 4054 - 2005
6	Đường đô thị - Yêu cầu thiết kế	TCXDVN 104-2007
7	Áo đường mềm - Các yêu cầu và chỉ dẫn thiết kế	TCCS 38 : 2022/TCĐBVN
8	Tiêu chuẩn thiết kế mặt đường bê tông xi măng thông thường có khe nối trong xây dựng công trình giao thông	TCCS 39 : 2022/TCĐBVN
9	Lớp mặt đường bằng hỗn hợp nhựa nóng - thi công và nghiệm thu - phần 1: Bê tông nhựa chặt sử dụng nhựa đường thông thường	TCVN 13567-1:2022
10	Hỗn hợp bê tông nhựa nóng - Thiết kế theo phương pháp Marshall	TCVN 8820:2011
11	Tính toán các đặc trưng dòng chảy lũ	TCVN 9845 - 2013
12	Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về báo hiệu đường bộ	QCVN 41:2019/BGTVT
13	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về số liệu điều kiện tự nhiên dùng trong xây dựng	QCVN 02:2022/BXD
14	Thoát nước - Mạng lưới và công trình bên ngoài - Tiêu chuẩn thiết kế	TCXDVN 7957 - 2008
15	Tiêu chuẩn thiết kế chiếu sáng nhân tạo đường phố, đường quảng trường đô thị.	TCXDVN 259: 2001

T T	Tên quy chuẩn, tiêu chuẩn	Mã hiệu
16	Đất xây dựng-Phân loại	TCVN 5747:1993
17	Thiết kế cầu đường bộ	TCVN 11823:2017
18	Hướng dẫn thu thập vận chuyên và lưu trữ mẫu đất;	TCVN 7538-6:2010
19	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Xây dựng công trình đảm bảo người khuyết tật tiếp cận sử dụng.	QCVN 10:2014/BXD
20	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Nhà ở và công trình công cộng - An toàn sinh mạng và sức khoẻ	QCVN 05:2008/BXD:
21	Quy chuẩn Quốc gia về phân cấp và phân loại công trình.	QCVN 03:2009/BXD:
22	Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về công trình ngầm đô thị.	QCVN 08:2009/BXD:
23	Quy hoạch xây dựng đô thị - Tiêu chuẩn thiết kế.	TCVN 4449: 1987
24	Đặt đường dây dẫn điện trong nhà và công trình công cộng.	TCVN 9207: 2012
25	Chiếu sáng nhân tạo bên ngoài công trình công cộng và kỹ thuật hạ tầng đô thị-Tiêu chuẩn thiết kế	TCXDVN 333: 2005
26	Về hệ thống lắp đặt điện hạ áp.	TCVN 7447-1:2010
27	Chống sét cho các công trình xây dựng, hướng dẫn thiết kế, kiểm tra và bảo trì hệ thống.	TCVN 9385: 2012
28	Đặt thiết bị điện trong nhà ở và công trình công cộng	TCVN 9206: 2012
29	Tiêu chuẩn xây dựng quốc gia về Thoát nước - mạng lưới và công trình bên ngoài.	TCXDVN 51:2008
30	Cấp nước. Mạng lưới bên ngoài và công trình.Tiêu chuẩn thiết kế.	TCXDVN 33-2006.
31	An toàn cháy- Yêu cầu chung.	TCVN 3256 - 89
32	Hệ thống chữa cháy - Yêu cầu chung về thiết kế, lắp đặt và sử dụng.	TCVN 5760 - 1993
33	Phòng cháy, chữa cháy cho nhà và công trình. Yêu cầu thiết kế.	TCVN 2622 - 1995
II	Áp dụng cho công tác thi công, nghiệm thu	
1	Nền đường ô tô - thi công và nghiệm thu	TCVN 9436:2012
2	Phương pháp xác định chỉ số CBR của nền đất và các lớp móng đường bằng vật liệu rời tại hiện trường	TCVN 8821: 2011
3	Mặt đường bê tông nhựa nóng - Yêu cầu thi công và nghiệm thu	TCVN 8819:2011

T T	Tên quy chuẩn, tiêu chuẩn	Mã hiệu
4	Thiết kế kết cấu bê tông và bê tông cốt thép	TCVN 5574:2018
5	Kết cấu gạch đá - Thi công và nghiệm thu	TCVN 4085: 2011
6	Công tác đất - quy phạm thi công và nghiệm thu	TCVN 4447 - 2012
7	Quy trình đầm nén đất đá trong phòng thí nghiệm	22 TCN 333: 2006
8	Thi công và nghiệm thu mặt đường bê tông xi măng trong xây dựng công trình giao thông	TCCS 40 : 2022/TCĐBVN
9	Lớp móng cấp phối đá dăm trong kết cấu áo đường ô tô - Vật liệu thi công và nghiệm thu	TCVN 8859:2011
10	Quy trình thí nghiệm xác định cường độ kéo khi ép chẻ của vật liệu hạt liên kết bằng các chất kết dính	TCVN 8862:2011
11	Xác định độ chặt nền, móng đường bằng phương pháp rót cát	22 TCN 346: 06
12	Mặt đường ô tô - Xác định độ bằng phẳng mặt đường bằng thước dài 3.0 mét	TCVN 8864:2011
13	Mặt đường ô tô - Phương pháp đo và đánh giá xác định độ bằng phẳng theo chỉ số độ gồ ghề quốc tế IRI.	TCVN 8865:2011
14	Mặt đường ô tô - Xác định độ nhám mặt đường bằng phương pháp rắc cát - Thử nghiệm	TCVN 8866:2011
15	Quy trình thí nghiệm xác định chỉ số CBR của đất, đá dăm trong phòng thí nghiệm	22TCN332-06
16	Nhựa đường lỏng - Phần 1 - 5	TCVN 8818-1:2011- :-TCVN8818-5:2011
17	Bi tum - Yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thí nghiệm	TCVN 7493:2005-:- TCVN 7504:2005
18	Xi măng-Phương pháp lấy mẫu và chuẩn bị mẫu thử	TCVN 4787: 2009
19	Xi măng Poocăng hỗn hợp - Yêu cầu kỹ thuật	TCVN 6260 - 2009
20	Cốt liệu cho bê tông và vữa - Yêu cầu kỹ thuật	TCVN 7570 - 2006
21	Cốt liệu cho bê tông và vữa - Phương pháp thử	TCVN 7572-1 - 20:2006
22	Nước cho bê tông và vữa - Yêu cầu kỹ thuật	TCVN 4506 : 2012
23	Hỗn hợp bê tông và bê tông nặng	TCVN 3105:93-:- TCVN 3120: 93
24	Bê tông - Yêu cầu bảo dưỡng ẩm tự nhiên	TCVN 8828:2011
25	Bê tông nặng - Phương pháp xác định cường độ lăng trụ và mô đun đàn hồi nén tĩnh	TCVN 5726:1993

T T	Tên quy chuẩn, tiêu chuẩn	Mã hiệu
26	Bê tông khối lớn-Quy phạm thi công và nghiệm thu	TCXDVN 305 - 2004
27	Thép cốt bê tông	TCVN 1651 - 2018
28	Thép các bon cán nóng dùng trong xây dựng - Yêu cầu kỹ thuật	TCVN 5709 - 2009
29	Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép toàn khối - Quy phạm thi công và nghiệm thu	TCVN 4453 - 1995
30	Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép - Thi công và nghiệm thu	TCVN 9115 - 2019
31	Sơn và lớp phủ bảo vệ kim loại - Phương pháp thử trong điều kiện tự nhiên - Phần 1 đến phần 14	TCVN 8785-1:2011-TCVN 8785-14:2011
32	Sơn tín hiệu giao thông - Vật liệu kẻ đường phản quang nhiệt dẻo - Yêu cầu kỹ thuật, phương pháp thử, thi công và nghiệm thu	TCVN 8791:2018
33	Màng phản quang dùng cho báo hiệu đường bộ	TCVN 7878:2018
34	Sơn bảo vệ kết cấu thép - Yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thử	TCVN 8789:2011
35	Sơn bảo vệ kết cấu thép - Quy trình thi công và nghiệm thu	TCVN 8790:2011
36	Quy phạm trang thiết bị điện	TCVN 2328-1978; 11TCN19,20,21-2006
37	Tiêu chuẩn “Tải trọng và tác động”	TCVN 2737-2020
38	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về thi công công trình điện	QCVNQTD-7:2009 BCT